

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-STNMT ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính và các Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở TC;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trần Đình Nhuận

CÔNG KHAI PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- STNMT ngày tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở	Ban QLDA VILG	TT công nghệ thông tin TNMT	TT phát triển quỹ đất	Văn phòng đăng ký đất đai
A)	PHẦN THU	32.318	32.318	2.200	-	-	-	30.118
1	Số thu phí, lệ phí	31.718	31.718	1.600	-	-	-	30.118
	- Thu phí	29.141	29.141	1.570				27.571
	- Thu lệ phí	2.577	2.577	30				2.547
2	Thu phạt vi phạm hành chính	600	600	600				
B)	PHẦN CHI	65.901	65.901	29.595	300	1.677	3.651	30.678
I	Chi từ nguồn thu phí được để lại	32.318	32.318	2.200	-	-	-	30.118
1	Chi sự nghiệp kinh tế	30.118	30.118	-	-	-	-	30.118
a)	Chi nhiệm vụ thường xuyên	24.814	24.814					24.814
b)	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-
c)	Chi nộp NSNN: - Trong đó:	5.304	5.304	-				5.304
	- Phí	2.757	2.757					2.757
	- Lệ phí	2.547	2.547					2.547
2	Chi quản lý hành chính	2.200	2.200	2.200	-	-	-	-
a)	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	830	830	830				
b)	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-
c)	Chi nộp NSNN: - Trong đó:	1.370	1.370	1.370				-
	- Thu phí	740	740	740				
	- Thu lệ phí	30	30	30				
	- Thu phạt vi phạm hành chính	600	600	600				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.583	33.583	27.395	300	1.677	3.651	560
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340; Khoản 341)	12.845	12.845	12.845		-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, nguồn 13	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-
	- Chi lương	7.825	7.825	7.825				
	- Chi thường xuyên	2.175	2.175	2.175				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, nguồn 12	2.845	2.845	2.845		-	-	-
a)	Chi hoạt động	2.395	2.395	2.395		-	-	-

	Chi tập huấn cán bộ cấp xã, huyện	80	80	80				
	Chi trang phục thanh tra	55	55	55				
	Chi hỗ trợ phục vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại	50	50	50				
	Chi phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra và tham dự các phiên tòa hành chính	600	600	600				
	Thẩm định giá đất cá biệt để tính giá cho thuê đất (chi trả nợ và thanh toán)	1.500	1.500	1.500				
	Chi xây dựng văn bản QPPL	40	40	40				
	Chi băng rôn, pano phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn về môi trường	70	70	70				
b)	Chi sửa chữa	450	450	450				
	Sửa chữa nhà làm việc Chi cục QLDD cũ	450	450	450				
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280; Khoản 332)	16.288	16.288	10.400		1.677	3.651	560
2.1	Kinh phí không thường xuyên, nguồn 12	11.345	11.345	10.400		185	200	560
a)	Chi hoạt động	10.960	10.960	10.400				560
	Nhiệm vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Đắk Lắk	3.000	3.000	3.000				
	Nhiệm vụ điều tra đánh giá ô nhiễm đất lần đầu, phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk	1.000	1.000	1.000				
	Nhiệm vụ điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Đắk Lắk	1.000	1.000	1.000				
	Nhiệm vụ khoanh định, công bố khu vực cấm, khu vực hạn chế khai thác nước tỉnh Đắk Lắk	400	400	400				
	Nhiệm vụ xây dựng, cập nhật hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý, hệ thống bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2000 và tỷ lệ 1:5000 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	1.000	1.000	1.000				
	Nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025	3.000	3.000	3.000				
	Nhiệm vụ xây dựng ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg	1.000	1.000	1.000				
	Mua phôi giấy chứng nhận, phôi trang in bổ sung	560	560					560
	Ban quản lý dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới, hợp phần thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk	300	300		300			
b)	Chi mua sắm	285	285			185	100	-
	Chi mua giá sắt để tài liệu lưu	20	20			20		

	trữ (10 cái)							
	Chi mua máy Scan khổ A3 (01 cái)	60	60			60		
	Chi mua máy vi tính (10 bộ)	105	105			105		
	Chi mua máy đo đặc vệ tinh RTK	100	100				100	
c)	Chi bảo dưỡng sửa chữa tài sản công	100	100				100	
	Chi sửa chữa mái che để xe cơ quan	100	100				100	
2.2	Kinh phí thường xuyên, nguồn 13	4.943	4.943	-		1.492	3.451	
	Chi lương	3.504	3.504			1.058	2.446	
	Chi Thường xuyên	1.439	1.439			434	1.005	
3	Chi sự nghiệp môi trường (Loại 250; khoản 251, 278)	4.150	4.150	4.150		-	-	-
3.1	Kinh phí không thường xuyên, nguồn 12	4.150	4.150	4.150		-	-	-
a)	Chi hoạt động	3.450	3.450	3.450		-	-	-
	Nhiệm vụ xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Đắk Lắk. Giai đoạn 2021-2030	300	300	300				
	Nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh	500	500	500				
	Nhiệm vụ: Điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục và cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	500	500	500				
	Quan trắc môi trường tỉnh năm 2021	2.000	2.000	2.000				
	Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	150	150	150				
b)	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	700	700	700				
	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm QT Tài nguyên và Môi trường	700	700	700				